CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2024/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 01tháng 3 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

"b) Trở ngại khách quan là trường hợp đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức hoặc đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi hình thức, chuyển

giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật hoặc do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan, cá nhân khác dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; *dịch, bệnh do cơ quan có thẩm quyền công bố mà đương sự không thể thực hiện được quyền yêu cầu thi hành án đúng thời hạn theo quy định*".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

"4. Khi đương sự có yêu cầu, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến và ký tên vào văn bản thỏa thuận trong trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này. Việc chứng kiến thỏa thuận phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thi hành án dân sự *hoặc ngoài trụ sở đối với các trường hợp đương sự yêu cầu chứng kiến thỏa thuận tại nơi cư trú của người phải thi hành án, nơi có tài sản thi hành án. Văn bản thỏa thuận phải có chữ ký của người làm chứng hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc tổ dân phố nơi chứng kiến thỏa thuận.*

Trường hợp phát hiện thỏa thuận vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh phí thi hành án thì Chấp hành viên từ chối chứng kiến thỏa thuận nhưng phải nêu rõ lý do từ chối vào biên bản thỏa thuận".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"1. Khi tiến hành xác minh, Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án. Nội dung kê khai phải nêu rõ loại, số lượng tiền, tài sản hoặc quyền tài sản; tiền mặt, tiền trong tài khoản, tiền đang cho vay, mượn; giá trị ước tính và tình trạng của từng loại tài sản; mức thu nhập định kỳ, không định kỳ, nơi trả thu nhập; địa chỉ, nơi cư trú của người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng; khả năng và điều kiện thực hiện nghĩa vụ thi hành án. *Chấp hành viên thực hiện xác minh thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và các cơ sở dữ liệu khác theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật chuyên ngành. Kết quả xác minh được sử dụng làm cơ sở để tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự".*

Chấp hành viên phải nêu rõ trong biên bản xác minh điều kiện thi hành án về việc đương sự kê khai hoặc không kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án.

Trường hợp người phải thi hành án không kê khai hoặc phát hiện việc kê khai không trung thực thì tùy theo mức độ vi phạm, Chấp hành viên có thể xử phạt hoặc đề nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật".

4. Bổ sung khoản 6 Điều 12 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

6. Trường hợp khi tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án mà người được thi hành án yêu cầu nhận thông báo về thi hành án theo hình thức đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng khác thì Chấp hành viên thực hiện thông báo theo yêu cầu.

5. Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

5. Việc bán tài sản thi hành án là chứng khoán, cổ phần, phần vốn góp, giấy tờ có giá khác theo quy định tại Điều 83, Điều 92 Luật Thi hành án dân sự được thực hiện như sau:

a) Đối với chứng khoán đang niêm yết hoặc đang đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán thì Chấp hành viên ban hành quyết định kê biên theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo hợp lệ quyết định kê biên, đương sự có quyền thỏa thuận bán chứng khoán theo quy định tại Điều 6 Luật thi hành án dân sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì Chấp hành viên ký Hợp đồng ủy quyền với Công ty Chứng khoán nơi người phải thi hành án mở tài khoản để bán chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty Chứng khoán phải thông báo về kết quả bán chứng khoán và chuyển tiền cho cơ quan thi hành án dân sự, sau khi trừ các khoản chi phí liên quan đến việc bán chứng khoán.

b) Đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nhưng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch thì Chấp hành viên ban hành quyết định kê biên theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự và thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục thẩm định giá, bán chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Điều 98, Điều 99, Điều 101 Luật thi hành án dân sự và pháp luật về bán đấu giá tài sản.

c) Đối với cổ phần, phần vốn góp, giấy tờ có giá khác thì Chấp hành viên kê biên, xử lý theo quy định tại Điều 71, Điều 83, Điều 92, Điều 98, Điều 99, Điều 101 Luật thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật về doanh nghiệp.

Ngay sau khi ban hành quyết định kê biên theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 điều này, Chấp hành viên thông báo bằng văn bản về việc kê biên tài sản đó cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức phát hành chứng khoán hoặc doanh nghiệp nơi người phải thi hành án góp vốn và các cơ quan, tổ chức có liên quan để ngăn chặn hành vi chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan thi hành án dân sự.

6. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đang áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và chi phí thi hành án theo quy định tại khoản 1 của Điều này mà người phải thi hành án còn tài sản khác thì Chấp hành viên có văn bản gửi cơ quan liên quan về nghĩa vụ của người phải thi hành án và yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan thi hành án dân sự khi phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản đó để giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"2. Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự về chuyển giao quyền, nghĩa vụ; không được ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của của tổ chức, cá nhân khác và phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của người chuyển giao, người nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp người được thi hành án chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền được thi hành án của mình cho người thứ ba thì người thứ ba trở thành người được thi hành án tương ứng với phần quyền được chuyển giao và có các nghĩa vụ của người được thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Người chuyển giao quyền về thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho người phải thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự đang tổ chức việc thi hành án biết về việc chuyển giao quyền về thi hành án. Việc chuyển giao quyền về thi hành án không cần có sự đồng ý của người phải thi hành án, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp người phải thi hành án chuyển giao nghĩa vụ thi hành án cho người thứ ba thì phải được sự đồng ý của người được thi hành án. Người nhận chuyển giao nghĩa vụ có các nghĩa vụ của người phải thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Việc chuyển giao phải đáp ứng điều kiện chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ thi hành án từ thời điểm thực hiện thỏa thuận chuyển giao. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định chuyển giao đối với cá nhân, tổ chức mới tương ứng với quyền, nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao. Kết quả tổ chức thi hành trước đó được công nhận để tiếp tục tổ chức thi hành vụ việc theo quy định của pháp luật.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

"1. Trường hợp đương sự không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thì Chấp hành viên lựa chọn theo pháp luật về đấu giá tài sản.

Trước khi bán đấu giá tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản.

3. Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại.

Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. *Trường hợp người mua được tài sản đấu giá không nộp tiền mua tài sản trong thời hạn quy định thì cơ quan thi hành án dân sự hủy bỏ giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc yêu cầu Tòa án hủy bỏ theo quy định của pháp luật về công chứng.*

Trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản đấu giá nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá. Tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản bán đấu giá thành mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

4. Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá.

Cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi *trong khoảng thời gian theo quy định tại khoản 3 Điều này* được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án.

Quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này mà chưa giao được tài sản thì phần lãi tiền gửi phát sinh từ khoản tiền mua tài sản đấu giá thuộc về người mua tài sản. Trường hợp người phải thi hành án, người có tài sản hoặc người đang quản lý tài sản thi hành án không tự nguyện giao tài sản, cơ quan thi hành án dân sự phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thì phải chịu mọi chi phí phát sinh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đến hạn theo hợp đồng bán đấu giá tài sản mà không giao được tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá thì người này có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng.

8. Bổ sung khoản 6 Điều 38 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"*6. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại áp dụng quy định tại Điều 4 của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan để xác định thời gian trở ngại khách quan hoặc kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn khiếu nại theo khoản 2 Điều 140 Luật Thi hành án dân sự.*"

9. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"e) Chi phí khi đang tiến hành *hoặc đã tổ chức cưỡng chế xong* nhưng phải đình chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự".

10. Bổ sung khoản 7 Điều 49 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"7. *Trường hợp thanh toán tiền từ việc xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự mà xác định có người được thi hành án chưa làm đơn yêu cầu thi hành bản án, quyết định đó thì cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho những người được thi hành án về quyền yêu cầu thi hành án; đồng thời, làm thủ tục gửi số tiền thi hành án của họ theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn.*

Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án nếu người được thi hành án vẫn không có yêu cầu thi hành án thì số tiền này được thanh toán tiếp cho những người được thi hành án đã có quyết định thi hành án (nếu còn nghĩa vụ), số tiền còn lại được trả cho người phải thi hành án hoặc người có tài sản bị kê biên".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 56 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"2. Bộ Tư pháp tổ chức thi tuyển Chấp hành viên; quy định nội dung, hình thức, trình tự thủ tục thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp.

Nội dung, hình thức thi, *xét* nâng ngạch từ Chấp hành viên sơ cấp lên Chấp hành viên trung cấp, từ Chấp hành viên trung cấp lên Chấp hành viên cao cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, ban hành tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch chấp hành viên sau có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ".

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 66 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

"3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Thẩm tra viên sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các chức danh Thẩm tra viên trong quân đội sau khi có ý kiến thống nhất với Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ."

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 69 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

1. Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thẩm tra viên; nội dung, hình thức thi, *xét* nâng ngạch từ Thẩm tra viên thi hành án lên Thẩm tra viên chính thi hành án, từ Thẩm tra viên chính thi hành án lên Thẩm tra viên cao cấp thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thẩm tra viên thi hành án trong quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 71 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:

"2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Thư ký thi hành án sau khi có ý kiến thống nhất với Bộ Nội vụ. Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ đối với các chức danh Thư ký thi hành án trong quân đội sau có ý kiến thống nhất với Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ.

3. Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thư ký thi hành án; nội dung, hình thức thi, xét nâng ngạch từ Thư ký trung cấp lên Thư ký thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.

Thư ký thi hành án trong quân đội là sỹ quan hoặc quân nhân chuyên nghiệp. *Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký thi hành án trong quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.*

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 78 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

2. Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp, Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp được xếp lương công chức nhóm 1 của loại A1, A2 và A3 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước.

Thư ký thi hành án xếp lương công chức loại A1 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. *Thư ký trung*

cấp thi hành án xếp lương công chức loại A0 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước.

16. Bổ sung khoản 4 Điều 83 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

"4. Bộ Tư pháp quyết định việc cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự phù hợp nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế vùng miền, khí hậu".

Điều 2. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với việc thi hành án đã thi hành một phần hoặc chưa thi hành xong trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đã thực hiện các thủ tục về thi hành án theo đúng quy định của Luật Thi hành án dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành thì kết quả thi hành án được công nhận; các thủ tục thi hành án tiếp theo được tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2024.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính